

Số: 1021 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 09 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

SỞ XÂY DỰNG T. LÀO CAI	
Số: 2701
ĐẾN Ngày: 28/5/18
Chuyển: [Signature]
Lưu hồ sơ số [Signature]

Phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh mở rộng thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Cao Sĩ Quý (TK)

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung cụm công nghiệp và thị trấn Tầng Loỏng;
- Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 27/11/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Thắng về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh quy hoạch chung cụm công nghiệp và thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng;
- Căn cứ Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung điều chỉnh mở rộng thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng;
- Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 112/TTr-SXD ngày 9/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh mở rộng thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng với nội dung sau:

(có hồ sơ quy hoạch kèm theo)

1. Vị trí, ranh giới và diện tích lập quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực lập quy hoạch là toàn bộ thị trấn Tầng Loỏng và một phần của xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp phần còn lại của xã Xuân Giao;
- Phía Đông giáp xã Sơn Hà và xã Phú Nhuận;
- Phía Tây giáp xã Gia Phú và xã Suối Thầu huyện Sa Pa;
- Phía Nam giáp xã Phú Nhuận.

c) Diện tích lập quy hoạch:

Tổng diện tích lập điều chỉnh quy hoạch 3.951,51ha. Trong đó: diện tích thị trấn Tầng Loỏng 3.361,69ha, diện tích mở rộng thị trấn Tầng Loỏng lấy vào đất xã Xuân Giao 589,82ha.

2. Tính chất đô thị

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, thương mại, và khu dân cư đô thị của thị trấn Tầng Loỏng;
- Là đô thị công nghiệp của tỉnh Lào Cai;
- Là đô thị có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội không những của huyện Bảo Thắng mà còn cho tỉnh Lào Cai theo tiêu chí đô thị loại V.

3. Dự báo dân số qua các giai đoạn

- Dân số hiện trạng năm 2017: 7.143 người
- Dự báo dân số đến năm 2035: khoảng 15.000 người.

4. Cơ cấu tổ chức không gian

Khu vực lập quy hoạch được phân thành 4 phân khu:

a) Khu số 1: Đô thị trung tâm thị trấn Tầng Loỏng.

- Quy mô diện tích: 101,21ha.
- Quy mô dân số: 10.000 người.
- Chức năng: Là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, xã hội của thị trấn, đô thị ở theo hình thức ở mật độ cao nhà phố và nhà ở chung cư.
- Là đô thị có mật độ xây dựng cao.

b) Khu số 2: Khu vực cách ly và khuyến cáo hạn chế xây dựng đất ở đô thị.

- Quy mô diện tích: 111,75ha.
- Quy mô dân số: 4.000 người.
- Chức năng: Tạo khoảng không gian cách ly khu trung tâm với khu công nghiệp. Đất nhà ở hỗn hợp kết hợp dịch vụ thương mại, phục vụ khu công nghiệp. Hình thức ở lưu trú làm dịch vụ thương mại.

- Là khu vực có mật độ xây dựng đô thị cao.

c) Khu số 3: Khu công nghiệp Tầng Loỏng.

- Quy mô diện tích: 808,12ha
- Chức năng: Là khu công nghiệp nặng.
- Là khu vực xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp mật độ cao.

d) Khu số 4 - Khu dân cư nông thôn sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Quy mô diện tích: 2.929,43ha
- Quy mô dân số: 1.000 người
- Chức năng: Khu dân cư nông thôn theo hình thức bản làng vùng cao, tập trung phát triển nông nghiệp, trồng và bảo vệ rừng.
- Là khu vực có mật độ xây dựng thấp.

5. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.	Đất các cơ quan ban ngành	2,09	0,05
2.	Đất trung tâm công cộng	20,95	0,53
3.	Đất giáo dục	5,94	0,15
4.	Đất Y tế	3,18	0,08
5.	Đất Tôn giáo	0,84	0,02
6.	Đất ở	94,84	2,40
6.1	Đất ở đô thị	30,37	0,77
6.2	Đất ở làng xóm, nông thôn	50,30	1,27
6.3	Đất ở hỗn hợp	14,17	0,36
7.	Đất trung tâm thể dục thể thao	2,10	0,05
8.	Đất công viên, cây xanh	260,67	6,60
8.1	Đất công viên, lâm viên	64,12	1,62
8.2	Đất cây xanh	51,57	1,31
8.3	Đất cây xanh cách ly	144,98	3,67
9.	Đất nông nghiệp	705,41	17,85
10.	Đất lâm nghiệp	2.029,18	51,35
11.	Đất khu công nghiệp	472,27	11,95
12.	Mặt nước	48,38	1,22
13.	Đất bãi thải quặng	57,04	1,44
14.	Đất kho tàng	20,99	0,53
15.	Đất dự trữ phát triển	27,89	0,71
16.	Đất khu hồ thải	1,32	0,03
17.	Đất hạ tầng kỹ thuật	198,42	5,02
17.1	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	57,77	1,46
17.2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	140,65	3,56
18	Tổng diện tích quy hoạch	3.951,51	100,00

b) Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng:

- *Cơ quan hành chính thị trấn Tầng Loong*: Được ổn định tại vị trí hiện tại. Quy mô diện tích 2,09ha. Gồm hai ô đất ký hiệu CQ1, CQ2 chức năng bao gồm UBND, nhà văn hóa và Công an thị trấn; bố trí tại khu số 1.

- Công trình dịch vụ thương mại, dịch vụ công nghiệp, chợ, văn hóa, trụ sở văn phòng đại diện và nhà khách các công ty, doanh nghiệp...: Quy mô diện tích 20,95ha. Gồm 9 ô đất ký hiệu CC1, CC2, ...CC9; bố trí tại khu số 1, 2, 3.

- *Công trình giáo dục*: Gồm hệ thống giáo dục trường mầm non, tiểu học, THCS, PTTH. Quy mô diện tích 5,94ha. Gồm 4 ô đất ký hiệu GD1, GD2, ...GD4; bố trí tại khu số 1.

- *Công trình Y tế*: Quy mô diện tích 3,18ha. Gồm 1 ô đất ký hiệu YT; bố trí tại khu số 1.

- *Công trình Tôn giáo*: Quy mô diện tích 0,84ha. Gồm 1 ô đất ký hiệu TG; bố trí tại khu số 1.

- *Khu ở*: Gồm hệ thống các khu dân cư đô thị mật độ cao, khu ở hỗn hợp kết hợp dịch vụ công nghiệp mật độ trung bình và dân cư nông thôn mật độ thấp. Tổng quy mô diện tích 94,84ha.

+ Khu dân cư đô thị mật độ cao phát triển nhà ở riêng lẻ và nhà chung cư. Quy mô diện tích 30,37ha. Gồm 12 ô đất ký hiệu OĐT1, OĐT2, OĐT12; bố trí tại khu số 1.

+ Khu dân cư kết hợp dịch vụ công nghiệp mật độ cao. Quy mô diện tích 14,17ha. Gồm 5 ô đất ký hiệu OHH1, OHH2 ... OHH5; bố trí tại khu số 2.

+ Khu dân cư mật độ thấp phát triển nhà ở quần cư, tổ, xóm. Quy mô diện tích 50,30ha. Gồm 2 ô đất ký hiệu ONT1, ONT2; bố trí tại khu số 4.

- *Công trình thể dục thể thao đô thị*: Là khu tập luyện thể dục thể thao của thị trấn. Quy mô diện tích 2,1ha. Gồm 2 ô đất ký hiệu TDTT1, TDTT2; bố trí tại khu số 1 và khu số 2.

- *Khu công viên, cây xanh*: Gồm hệ thống cây xanh, công viên và cây xanh cách ly tổng diện tích 260,67ha

+ Khu công viên lâm viên: Là hệ thống công viên kết hợp với rừng cảnh quan. Quy mô diện tích 64,12ha. Gồm 1 ô đất ký hiệu CV-LV; bố trí tại khu số 2.

+ Khu cây xanh đô thị: Là hệ thống công viên cây xanh trong các khu chức năng đô thị. Quy mô diện tích 51,57ha. Gồm 8 ô đất ký hiệu CX1, CX2, ...CX8; bố trí tại khu số 1, 2, 3, 4.

+ Khu cây xanh cách ly: Là hệ thống cây xanh cách ly giữa các khu công nghiệp, khu vực bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hành lang lưới điện với các khu khác trong đô thị. Quy mô diện tích 144,98ha. Gồm 11 ô đất ký hiệu CX-CL1, CX-CL2, ... CX-CL11; bố trí tại khu số 1, 2, 3, 4.

- *Khu đất nông nghiệp*: Là khu vực canh tác nông nghiệp lúa, cây hoa màu và cây hàng năm. Quy mô diện tích 705,41ha. Gồm 19 ô đất ký hiệu NN1, NN2, ...NN19; bố trí tại khu số 4.

- *Khu đất lâm nghiệp*: Là khu vực rừng đầu nguồn, rừng cảnh quan. Quy mô diện tích 2.029,18ha. Gồm 9 ô đất ký hiệu LN1, LN2, ...LN9; bố trí tại khu số 4.

- *Khu đất công nghiệp*: Là khu vực các nhà máy công nghiệp hiện tại. Quy mô diện tích 472,27ha. Gồm 25 ô đất ký hiệu KCN1, KCN2, ...KCN25; bố trí tại khu số 3.

- *Mặt nước*: Là khu vực hồ cảnh quan và suối trong khu quy hoạch. Quy mô diện tích 48,38ha. Gồm 3 khu vực ký hiệu MN1, MN2, MN3; tại khu số 1, 2, 3, 4.

- *Khu bãi thải quặng*: Là khu vực chứa quặng thải của các nhà máy, trong ranh giới của khu công nghiệp. Quy mô diện tích 57,04ha. Gồm 2 ô đất ký hiệu BTQ1, BTQ2; bố trí tại khu số 3.

- *Khu đất kho tàng*: Là khu vực kho bãi phục vụ khu công nghiệp. Quy mô diện tích 20,99ha. Gồm 5 ô đất ký hiệu KT1, KT2, ...KT5; bố trí tại khu số 2, 3, 4.

- *Khu đất dự trữ phát triển cho khu công nghiệp*: Quy mô diện tích 29,30ha. Gồm 1 ô đất ký hiệu DTPT; bố trí tại khu số 3.

- *Khu hồ thải*: Là khu vực chứa nước thải quặng của nhà máy nằm một phần trong khu quy hoạch. Quy mô diện tích 1,32ha. Gồm 1 ô đất ký hiệu HT; bố trí tại khu số 3.

- *Khu đất hạ tầng kỹ thuật*: Tổng quy mô diện tích 198,42ha.

+ Đất khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật ga đường sắt, trạm cấp nước, cấp điện, bến xe trung tâm, trạm xử lý nước, xử lý rác. Quy mô diện tích 57,77ha. Gồm 13 ô đất ký hiệu HTKT1, HTKT2, ... HTKT13; bố trí tại khu số 1, 2, 3.

+ Đất đường giao thông và đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác tổng diện tích 140,65ha.

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

a1. San nền:

- Ở các khu vực đã xây dựng cơ bản giữ nguyên, các khu vực phát triển mới hạn chế đào đắp, cân bằng khối lượng trong từng khu vực.

- Các khu vực ven suối Trát cần tuân thủ theo cốt không chế cho từng khu vực như khu vực ven suối Trát, cao độ xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt, khi san nền các mặt bằng đất ở chia lô được san bám theo cao độ mặt đường, các mặt bằng khác có diện tích mặt bằng cụ thể được san theo một cốt được định trước.

a2. Thoát nước mưa:

Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Lưu vực, hướng thoát nước. Lưu vực khu vực quy hoạch có suối Trát chảy xuyên suốt khu quy hoạch do vậy đây cũng là hướng thoát nước chính cho toàn bộ khu quy hoạch là chảy về hướng suối Trát và chảy dọc theo suối Trát, một phần lưu vực khu vực phía Đông Nam được thoát vào suối Hoai và khe Trom rồi chảy vào địa phận xã Phú Nhuận.

- Hệ thống thoát nước dọc đường: hệ thống thu gom công dọc trên các tuyến thoát nước chính trên các tuyến đường trục được định hướng sử dụng cống tròn, cống dọc trên các đường nội bộ là cống hộp, nước mặt sau khi được thu gom vào các tuyến cống hộp sẽ thoát vào các tuyến cống trục được định hướng là cống tròn, cống dọc.

chảy vào các lưu vực là các suối nhỏ từ đó chảy ra suối Trát, phần lưu vực phía Đông Nam sẽ được chảy vào suối Hoai và khe Trom.

b) Quy hoạch giao thông:

b1. Định hướng phát triển giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường tỉnh lộ 151 vẫn là tuyến đường giao thông đối ngoại chính kết nối khu vực lập quy hoạch với thành phố Lào Cai, với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Tuyến đường tỉnh lộ 152 kết nối khu vực lập quy hoạch với thị trấn Phố Lu, xã Thanh Kim, Thanh Phú, đoạn đi qua khu quy hoạch được định hướng với quy mô B mặt= 15.0m, B vỉa hè= $2x(5\div 6)$ m.

b2. Định hướng phát triển giao thông đối nội :

- Đường trục chính với quy mô B nền= 35.00m, B mặt= $2X10.5$ m, B vỉa hè= $2X5.0$, Bpc= 4.00m

- Các tuyến đường trục khu vực và liên khu vực với quy mô B mặt= 15.0m, B vỉa hè mỗi bên từ 5.0 đến 6.0m.

- Các đường trục khu vực và liên khu vực với quy mô B mặt= 10.5m, B vỉa hè= 5.0m.

- Các tuyến đường nội bộ với chiều rộng mặt đường từ 6.0 đến 7.5m, chiều rộng vỉa hè mỗi bên từ 3.0m đến 4.5m.

- Các tuyến đường đi các thôn vùng cao như thôn Trát 1, Trát 2 được định hướng với chiều rộng mặt đường từ 3.5 đến 5.5m, lề đường mỗi bên từ 1.0 đến 2.0m.

c) Quy hoạch cấp nước:

c1. Tổng nhu cầu dùng nước trong phạm vi quy hoạch:

Tổng nhu cầu cấp nước của khu quy hoạch là: $38.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. (trong đó nước khu sản xuất công nghiệp là $23.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$).

c2. Nguồn nước:

- Hiện tại khu vực quy hoạch đang có 2 nhà máy cung cấp nước sạch (nhà máy xử lý nước thôn Tăng Loỏng 2 công suất $18.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nhà máy xử lý nước thôn Nhuận công suất $12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$) Tổng công suất hiện tại là $30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ do đó chưa đủ đáp ứng như cầu của khu quy hoạch và các vùng lân cận.

- Theo kế hoạch định hướng quy hoạch và kế hoạch phát triển của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai sẽ nâng công suất 2 nhà máy xử lý nước sạch lần lượt lên gấp đôi tức là $36.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ và $24.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, để phục vụ nhu cầu cho toàn bộ khu đô thị và khu công nghiệp trong và ngoài phạm vi quy hoạch.

c3. Mạng lưới cấp nước:

- Giữ nguyên hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước hiện có gồm 2 hệ thống mạng lưới cấp nước (cấp nước sinh hoạt và cấp nước sản xuất công nghiệp).

- Điều chỉnh một số đoạn ống theo định hướng mạng quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở đó cấp nước vào từng phân khu chức năng.

c4. Áp lực nước:

- Dùng bơm biến tần để điều tiết nước theo nhu cầu sử dụng.

- Áp lực nước tại các nút chính đối với mạng hiện trạng là 8m, đối với mạng xây dựng mới là 15m để đảm bảo cấp nước cho nhà hai tầng, các khu vực cao tầng hơn đặt trạm bơm tăng áp cục bộ.

c5. Bảo vệ nguồn nước:

- Đối với nguồn nước mặt: Trong bán kính khu vực bảo vệ $\geq 100\text{m}$ tính từ vị trí lấy nước xuống hạ lưu và 500m lưu vực trên thượng nguồn: không được xây dựng, sản xuất, nuôi trồng, tắm giặt, đào hố rác, xả thải...; ngoài bán kính 100m tính từ vị trí lấy xuống hạ lưu, có thể được xây dựng, trồng cây; cần có các biện pháp kỹ thuật đảm bảo hệ thống thoát nước thải được dẫn ra hệ thống cống bên ngoài, không dẫn về phía suối Nhuần đảm bảo bảo vệ sinh an toàn tuyệt đối nguồn nước. Các hoạt động du lịch cần kiểm soát nghiêm ngặt, cấm các tác động có thể làm bẩn, ô nhiễm nguồn nước.

- Khu vực bảo vệ vệ sinh nhà máy nước:

+ Trong phạm vi 3m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước.

+ Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi gia súc, gia cầm.

d) Quy hoạch cấp điện:

d1. Nhu cầu: Phụ tải điện yêu cầu khoảng 330MVA.

d2. Nguồn điện: Theo tính toán nhu cầu sử dụng điện của toàn bộ khu quy hoạch là 330MVA, trong đó nhu cầu điện cho phát triển ngành công nghiệp nặng và hóa chất là chủ yếu (chiếm trên 95% lượng điện tiêu thụ). Theo định hướng cấp điện khu công nghiệp Tăng Loong sẽ xây dựng bổ sung 01 trạm biến áp 3x63MVA-110kVA, kết hợp các trạm biến áp 110kV hiện trạng cấp điện cho khu quy hoạch. Các trạm biến áp 110kV sẽ đầu tư theo nhu cầu và cam kết sử dụng điện của các chủ đầu tư trong khu công nghiệp. Xây dựng mới các lộ xuất tuyến 22kV cấp điện cho khu dân cư, hành chính, dịch vụ.

d3. Trạm biến áp:

- Các trạm biến áp phân phối hiện trạng có công suất nhỏ (từ 180KVA trở xuống), cần phải cải tạo nâng công suất. Máy biến áp sử dụng cho khu vực quy hoạch phải có công suất máy từ 250KVA trở lên.

- Các trạm biến áp cải tạo hoặc xây mới trong khu vực dân cư, hành chính, dịch vụ đều sử dụng loại máy biến áp có 2 cấp điện áp đầu vào 10kV (hoặc 35kV) và 22kV để không phải thay máy khi chuyển cấp điện áp. Các trạm biến áp phân phối cải tạo và xây dựng mới trong khu vực mật độ cao đều sử dụng loại trạm Kios hợp bộ gồm 3 ngăn riêng biệt (ngăn trung thế, ngăn máy biến áp và ngăn hạ thế) hoặc các trạm xây kín, cốt nền trạm cao hơn so với cốt nền đất xung quanh tối thiểu 30cm để tránh ngập nước vào phòng máy.

d4. Lưới điện:

- Lưới điện cao thế: Giữ lại các tuyến đường dây 220kV và 110kV đảm bảo

hành lang an toàn lưới điện tới chân các công trình xây dựng.

- Lưới trung áp:

+ Tháo dỡ, di chuyển các một số đoạn tuyến đường dây 35kV qua khu vực ảnh hưởng tới quy hoạch, để tạo quỹ đất phát triển.

+ Xây dựng 02 lộ tuyến đường dây trực 22kV xuất phát từ trạm 110kV Tầng Loong cấp điện cho khu dân cư, hành chính, dịch vụ khu quy hoạch. Hai lộ đường dây 22kV sẽ được khép vòng với nhau thông qua các trạm cắt để nâng cao tính ổn định cấp điện cho khu trung tâm đô thị, mật độ cao.

+ Các tuyến đường dây 22kV và 35kV qua khu vực dân cư sẽ được hạ ngầm. Các tuyến đường dây 35kV khu công nghiệp đi nổi trên các giá đỡ hoặc ngầm theo thiết kế các nhà máy công nghiệp.

- Lưới hạ áp 0,4KV:

+ Xây dựng các tuyến đường dây hạ thế 0,4kV phục vụ các khu dân cư, công cộng, dịch vụ... Các tuyến đường dây hạ thế được xây dựng dọc các tuyến đường giao thông khu vực, sử dụng cáp vặn xoắn trên cột BTLT, nếu có điều kiện kinh tế ưu tiên sử dụng hệ thống điện ngầm.

+ Tháo dỡ các tuyến đường dây sử dụng cáp nhôm trần và các tuyến đường dây tạm, đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện đô thị.

+ Kết cấu lưới 0,4KV theo mạng hình tia. Bán kính phục vụ đảm bảo < 300m cho khu vực mật độ cao và < 500m cho các khu vực mật độ thấp.

d5. Lưới điện chiếu sáng

- Các tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10,5m trở lên chiếu sáng hai bên đường hoặc giữa dải phân cách, dùng đèn Natri cao áp 150W-250W. Các đường có mặt cắt lòng đường nhỏ hơn 10,5m bố trí chiếu sáng một bên hè, dùng bộ đèn 250W hoặc 150W.

- Khu vực các tuyến đường có hệ thống điện hạ thế sử dụng chiếu sáng kết hợp với các cột điện, khu vực các tuyến đường không có hệ thống điện hạ thế sử dụng hệ thống cáp ngầm chiếu sáng trên các cột thép.

e) Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

e1. Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu thoát nước thải:

+ Nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt $1.600\text{m}^3/\text{ngđ}$.

+ Nhu cầu thoát nước thải sản xuất công nghiệp $23.500\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Theo sơ đồ định hướng thoát nước thải của điều chỉnh quy hoạch chung cụm công nghiệp và thị trấn Tầng Loong đã xác định 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô $6.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ để xử lý nước thải cho toàn bộ khu dân cư của thị trấn; Do đó nước thải của khu dân cư quy hoạch này sẽ được thu gom về trạm xử lý đã xác định bằng đường ống D200-D400 (trạm này nằm ngoài ranh giới của quy hoạch), phục vụ cho nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt của khu quy hoạch khoảng $1.600\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Đối với nước thải sản xuất: Hiện tại đã quy hoạch 03 nhà máy xử lý nước thải lần lượt với công suất 3.000m³/ngđ, 2.000m³/ngđ, 2.950m³/ngđ do đó để đáp ứng xử lý toàn bộ nước thải công nghiệp phát sinh thì phải Quy hoạch thêm 01 trạm xử lý nước thải công nghiệp với công suất 16.000m³/ngđ tại vị trí lô đất HTKT8 gần suối Hoai.

- Nước thải sản xuất từ các cơ sở sản xuất công nghiệp sau khi được xử lý cục bộ (đạt tiêu chuẩn loại C) sẽ được đổ vào hệ thống thu gom nước thải có đường kính D300-D600 và được đưa về trạm xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5945-1995 (loại B) mới được xả ra môi trường.

e2. Chất thải rắn:

- Giải pháp chung: Đang có 03 dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn trong đó có 1 khu nhà máy nằm trong ranh giới quy hoạch tại vị trí lô đất HTKT9. Toàn bộ chất thải rắn (CTR công nghiệp và CTR sinh hoạt) được thu gom đưa vào các nhà máy xử lý CTR để xử lý.

- Giải pháp cụ thể:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được tổ chức thu gom do công ty vệ sinh môi trường đi thu gom tại chỗ bằng xe đẩy tay sau đó tập trung về các điểm ga rác chờ xe chuyên dụng chở đi đến khu xử lý; tiêu chuẩn tính toán với 1kg/người.ngày dự kiến cần thu gom 15 tấn/ngày

+ Chất thải rắn sản xuất: chủ yếu là xỉ quặng, một số bao bì, giấy, kim loại phế phẩm... được phân loại một số làm nguyên liệu cho cơ sở sản xuất số còn lại vận chuyển về khu vực nhà máy xử lý CTR; tiêu chuẩn tính toán với 0,3 tấn/ha dự kiến cần thu gom xử lý là 140,88 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn được phân loại làm 2 nhóm chính: nhóm có thể sử dụng tái chế và nhóm không thể tái chế đưa đi chôn lấp.

e3. Nghĩa trang:

- Theo kế hoạch của huyện Bảo Thắng nghĩa trang sẽ được xây dựng ở khu chân đồi cạnh hồ thải số 1 với diện tích 10ha.

- Toàn bộ nhu cầu chôn cất của khu quy hoạch được đưa đến khu nghĩa trang này đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 5956-2008 (nghĩa trang đô thị - tiêu chuẩn thiết kế). Tiêu chuẩn đất xây dựng nghĩa trang: 0,06 ha/1000 người.

7. Đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐMC)

Thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược của đồ án quy hoạch chung theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND tỉnh giao nhiệm vụ các cơ quan đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Giao UBND huyện Bảo Thắng:

- UBND huyện Bảo Thắng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan công bố công khai quy hoạch cho nhân dân, các đơn vị kinh tế, xã hội liên quan trên địa bàn nội dung quy hoạch và cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch.

duyệt. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa, giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

- UBND huyện Bảo Thắng chủ trì tổ chức xây dựng phương án, thông kê, đền bù, bố trí sắp xếp tái định cư và giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch trên địa bàn quản lý để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng đô thị Tăng Lông theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết theo quy hoạch chung được phê duyệt đảm bảo đúng quy định hiện hành.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức rà soát các dự án đầu tư trong ranh giới quy hoạch, đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức rà soát các quỹ đất, triển khai các thủ tục liên quan đến thu hồi, giao đất trong ranh giới quy hoạch trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bảo Thắng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- UBND huyện Bảo Thắng (02 bản);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH1, TNMT1, QLĐT4 *hu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong